

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG LIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 29/TB-UBND

Đồng Liên, ngày 10 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc công khai thu, chi ngân sách 3 tháng năm 2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

UBND xã Đồng Liên thông báo về việc niêm yết công khai số liệu thu, chi NSNN 3 tháng 2024 cụ thể như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách nhà nước 3 tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Liên./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tạ Văn Phin

Đồng liên, ngày 10 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai tình hình sử dụng ngân sách
3 tháng năm 2024 xã Đồng liên

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

1. Thời gian: Vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 04 năm 2024

2. Địa điểm: -UBND xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên.

3. Thành phần gồm:

1. Ông: Tạ Văn Phin, Chủ tịch UBND xã, Chủ tài khoản

2. Ông Dương Minh Tuấn, Văn phòng, Thư ký

3. Bà: Nguyễn Huyền Trang, Công chức kế toán NS, Thành viên

4. Ông Đặng Đức Tĩnh, Công chức Tư pháp – hộ tịch, Thành viên

5. Ông Nguyễn Trọng Tân, Công chức Văn hoá – xã hội, Thành viên

4. Nội dung: Tiến hành lập biên bản Niêm yết công khai tình hình sử dụng ngân sách 3 tháng năm 2024 xã Đồng Liên (Có biểu chi tiết kèm theo)

- Thời gian niêm yết từ ngày 10/04/2024 đến hết ngày 10/05/2024.

- Hình thức công khai: Tại trụ sở UBND xã Đồng Liên, thông báo trên hệ thống truyền thanh, đăng nội dung trên cổng thông tin điện tử của xã;

- Thu nhận thông tin phản hồi: từ khi bắt đầu niêm yết đến khi kết thúc công khai.

Biên bản kết thúc hồi 8 giờ 00 phút ngày 10/4/2024, đã đọc cho các thành viên cùng nghe và thống nhất.

THƯ KÝ



Dương Minh Tuấn

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Phin

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 3 tháng, năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG LIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Công chức tài chính kế toán, công chức văn phòng - Thống kê UBND xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 3 tháng, năm 2024
(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND&UBND xã, Ban tài chính, bộ phận Kế toán – tài chính, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ta Văn Phin

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 1 đến tháng 3 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG,	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	5.904.048.985	1.567.890.448	26,6
1.	Các khoản thu 100%	47.000.000	8.595.000	18,3
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	297.352.000	139.598.463	46,9
3.	Thu chuyển nguồn			
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.559.696.985	1.419.696.985	25,5
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.559.696.985	1.419.696.985	25,5
	- Bổ sung có mục tiêu			
II.	Tổng số chi	5.937.335.000	1.204.250.402	20
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	5.937.335.000	1.204.250.402	20
3.	Dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 3 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	5.964.696.985	5.904.048.985	1.602.937.709	1.567.890.448	27	27
I. Các khoản thu 100%	47.000.000	47.000.000	8.595.604	8.595.000	18	18
- Phí, lệ phí	43.000.000	43.000.000	8.595.000	8.595.000	20	20
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			604			
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	4.000.000	4.000.000				
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	358.000.000	297.352.000	174.645.120	139.598.463	49	47
1. Các khoản thu phân chia	109.000.000	109.000.000	30.942.563	30.942.563	28	28
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55.000.000	55.000.000				
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	100	100
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	44.000.000	44.000.000	20.942.563	20.942.563	48	48
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	249.000.000	188.352.000	143.702.557	108.655.900	58	58
- Thuế giá trị gia tăng	66.000.000	57.024.000	41.988.869	36.278.394	64	64
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	31.000.000		17.943.436		58	
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất	152.000.000	131.328.000	83.770.252	72.377.506	55	55
III. Thu nguồn CCTI.						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.559.696.985	5.559.696.985	1.419.696.985	1.419.696.985	26	26
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.559.696.985	5.559.696.985	1.419.696.985	1.419.696.985	26	26
- Bổ sung có mục tiêu						


ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ
Từ tháng 1 đến tháng 3 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	
Tổng chi ngân sách xã	6.134.645.000		6.134.645.000	1.204.250.402		1.204.250.402	19,6		19,6
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	740.960.840		740.960.840	153.840.370		153.840.370	20,8		20,8
- Chi dân quân tự vệ	494.280.840		494.280.840	100.920.370		100.920.370	20,4		20,4
- Chi trật tự an toàn xã hội	246.680.000		246.680.000	52.920.000		52.920.000	21,5		21,5
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	99.000.000		99.000.000	2.395.200		2.395.200	2,4		2,4
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000						0,0
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước. Đảng, đoàn thể	4.793.846.160		4.793.846.160	989.217.832		989.217.832	20,6		20,6
Trong đó: Quỹ lương				937.097.715		937.097.715			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.292.025.520		2.292.025.520	472.224.082		472.224.082	20,6		20,6
10.2. Hội đồng nhân dân	444.449.440		444.449.440	87.241.950		87.241.950	19,6		19,6
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	718.513.600		718.513.600	158.157.000		158.157.000	22,0		22,0
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	394.495.040		394.495.040	73.887.450		73.887.450	18,7		18,7
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	167.488.320		167.488.320	30.554.850		30.554.850	18,2		18,2
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	222.784.960		222.784.960	45.407.550		45.407.550	20,4		20,4
10.7. Hội Cựu chiến binh	202.366.080		202.366.080	38.584.650		38.584.650	19,1		19,1
10.8. Hội Nông dân	178.427.200		178.427.200	33.534.300		33.534.300	18,8		18,8
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	40.016.000		40.016.000	18.306.000		18.306.000	45,7		45,7
10.10. Hội Người cao tuổi	30.580.000		30.580.000	7.020.000		7.020.000	23,0		23,0
10.11. Hội khuyến học	20.440.000		20.440.000	4.860.000		4.860.000	23,8		23,8
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	82.260.000		82.260.000	19.440.000		19.440.000	23,6		23,6
11. Chi cho công tác xã hội	278.528.000		278.528.000	58.797.000		58.797.000	21,1		21,1

- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	213.048.000		213.048.000	52.047.000		52.047.000	24,4		24,4
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác	65.480.000		65.480.000	6.750.000		6.750.000	10,3		10,3
12. Chi khác									
13. Dự phòng	119.860.000		119.860.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	77.450.000		77.450.000						

